

## Phụ lục

### TIỀM NĂNG KHAI THÁC THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU HẬU COVID-19 ĐỐI VỚI MỘT SỐ NGÀNH HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN CHỦ LỰC CỦA VIỆT NAM

(Kèm theo Công văn số <sup>5 3 8 0</sup> /BCT-XTTM ngày 01 tháng 9 năm 2021)

Theo số liệu thống kê của ITC-WTO và phương pháp đo lường tiềm năng thị trường của ITC, Bộ Công Thương xác định tiềm năng xuất khẩu của một số nhóm nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vào các khu vực thị trường cần tập trung khai thác, đặc biệt là các thị trường có FTA thời gian tới như sau:

#### 1. Thủy sản

##### 1.1. Hoa Kỳ

- Tổng nhu cầu nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2020 là 2,9 triệu tấn thủy, hải sản, trị giá 23,6 tỷ USD, tăng 3% về lượng so với năm 2019, chiếm 14,7% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào Hoa Kỳ năm 2020 là 1.625 triệu USD, chiếm 6,9% tổng kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ. Đây là thị trường có mức tăng trưởng bình quân khoảng 3% những năm gần đây. Như vậy, về lý thuyết, dung lượng thị trường Việt Nam còn khai thác được là khoảng 90% kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ đối với ngành hàng này trong tương lai. Thị trường Hoa Kỳ sẽ tiếp tục ghi nhận tăng trưởng xuất khẩu thủy sản, đặc biệt là tôm khi nguồn cung từ Ấn Độ gặp khó về sản xuất do dịch bệnh. Hoa Kỳ cũng đang tăng nhập khẩu cá tra từ Việt Nam.

- Những mặt hàng thủy sản Việt Nam có khả năng xuất khẩu sang Hoa Kỳ gồm: Tôm shrimp và tôm prawn đông lạnh (HS: 030617, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 78%); Cá tra file đông lạnh (HS: 030462, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 45%); Tôm shrimp và tôm prawn: đã được chế biến hoặc bảo quản (HS: 160521, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 61%); Cua, ghẹ đã được chế biến hoặc bảo quản (HS: 160510 trừ loại xông khói - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 45%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu đối với hàng thực phẩm, thủy sản, cà phê, hạt điều, hồ tiêu...:

+ Đăng ký chứng nhận FDA: bất cứ nhà xuất khẩu nào nếu muốn đưa sản phẩm (thực phẩm, đồ uống, dược phẩm) của mình vào Hoa Kỳ đều phải tuân thủ những quy định của Cục FDA và có được giấy chứng nhận FDA. Doanh nghiệp phải đăng ký với FDA để được cấp mã số cơ sở thực phẩm FFR. Ngoài ra, cứ hai năm một lần, nghĩa là vào các năm chẵn các doanh nghiệp nước ngoài trong đó có các doanh nghiệp Việt Nam đang xuất hàng thực phẩm và đồ uống cho người và động vật vào thị trường Mỹ lại phải đăng ký lại Cơ sở sản xuất và Người đại diện tại Mỹ với Cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) để được cấp Mã số kinh doanh hợp lệ mới.

+ Tất cả sản phẩm khi nhập khẩu đều phải có giấy chứng nhận quốc tế ISO 9002 và HACCP.

+ Tuân thủ Chương trình ghi nhãn nước xuất xứ, chương trình giám sát thủy sản nhập khẩu và mức giới hạn dư lượng tối đa cho phép về hóa chất trong thủy sản.

+ Chương trình giám sát thủy sản nhập khẩu vào Hoa Kỳ (SIMP): dành cho một số sản phẩm thủy sản nhất định, nêu rõ các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản bao gồm: các yêu cầu báo cáo và lưu trữ dữ liệu, hồ sơ cần thiết nhằm truy lại và ngăn chặn việc khai thác bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định, mô tả sai lệch về sản phẩm nhập vào thị trường Hoa Kỳ. Dữ liệu được thu thập, lưu trữ sẽ cho phép truy xuất được từ điểm nhập cảnh vào Hoa Kỳ quay lại điểm được khai thác hoặc sản xuất để kiểm chứng xem chúng có được khai thác hay sản xuất hợp pháp không. Ghi chép của nhà nhập khẩu sẽ được yêu cầu lưu trữ về chuỗi hành trình sản phẩm thủy sản hoặc sản phẩm từ thủy sản từ điểm khai thác đến điểm nhập cảnh vào Hoa Kỳ.

- Lưu ý khác: Nhu cầu tiêu thụ thủy sản tại thị trường Hoa Kỳ những tháng cuối năm 2021 vẫn giữ được nhịp tăng trưởng tốt do quốc gia này đang mở cửa trở lại mạnh mẽ khi quản lý tốt được dịch bệnh. Mặt hàng thủy sản của Việt Nam được dự báo tăng trưởng tốt ở thị trường này là cá tra và tôm. Nhu cầu tôm của Hoa Kỳ từ Việt Nam khá ổn định kể từ khi đại dịch Covid-19 bùng phát. Tôm Việt Nam trên thị trường Hoa Kỳ ngày càng cạnh tranh tốt hơn khi Ấn Độ (nguồn cung tôm lớn nhất của Hoa Kỳ) gặp nhiều rào cản do dịch bệnh Covid-19 gây ra.

## **1.2. Trung Quốc**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc năm 2020 là 12,72 tỷ USD, chiếm 7,9% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào Trung Quốc năm 2020 là 1.178,3 triệu USD, chiếm 9,3% tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc. Việt Nam đã xuất khẩu được 128 loại thủy sản và 48 loài thủy sản sang thị trường Trung Quốc.

- Những mặt hàng thủy sản Việt Nam có khả năng xuất khẩu sang Trung Quốc gồm: cá tra file đông lạnh (HS: 030462 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 35%); Cá tra file tươi, ướp lạnh (HS: 030432 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 50%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu:

+ Giấy phép nhập khẩu: Hàng hóa khi nhập khẩu vào Trung Quốc cần xin giấy phép nhập khẩu. Đơn đăng ký hoặc xin cấp phép nhập khẩu thường được gửi đến Bộ Thương mại hoặc các đơn vị địa phương có thẩm quyền.

+ Chứng thư/giấy chứng nhận kiểm dịch phải do cơ quan chủ quản kiểm dịch của Việt Nam cấp và được bên bán/xuất khẩu làm các thủ tục kiểm dịch trước khi ký hợp đồng/thỏa thuận thương mại với bên mua/bên nhập khẩu.

+ Tất cả các sản phẩm cá nuôi hoặc đánh bắt từ biển (từ hải sản ướp đá), đều phải lấy từ các công xưởng có đăng ký doanh nghiệp Việt Nam, khi khai báo hải quan phải xuất trình chứng thư về thủy sản do cơ quan chức năng Việt Nam cấp.

- + Giấy chứng nhận kiểm dịch do nước xuất khẩu cấp.

### 1.3. Nhật Bản

- Tổng nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Nhật Bản năm 2020 là 16,04 tỷ USD, chiếm 10% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào Nhật Bản năm 2020 là 1.433,2 triệu USD, chiếm 8,9% tổng kim ngạch nhập khẩu của Nhật Bản.

- Những mặt hàng thủy sản Việt Nam có khả năng xuất khẩu sang Nhật Bản gồm: Cá tra phile đông lạnh (HS: 030462 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 85%); Tôm shrimp và tôm prawn: đông lạnh (HS: 030617 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 23%); Tôm shrimp và tôm prawn đã được chế biến hoặc bảo quản (HS: 160521 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 35%); Cá tra phile tươi, ướp lạnh (HS: 030432 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 66%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu:

+ Quy định chất lượng thương mại và ghi nhãn mác: Nhật Bản đòi hỏi sản phẩm nhập khẩu phải tuân thủ các quy định trong Luật vệ sinh Thực phẩm, Luật tiêu chuẩn Nông nghiệp của Nhật Bản và Luật đo lường.

+ Quy định về an toàn thực phẩm: tuân thủ các mức dư lượng này theo Luật Vệ sinh Thực phẩm.

+ Trước khi hàng đến, các nhà xuất khẩu phải thông báo cho các trạm kiểm dịch tại địa điểm nhập khẩu biết thông qua hệ thống điện tử do Bộ Y tế và Phúc lợi xã hội quản lý.

+ Chứng nhận Nông sản xuất khẩu: chứng nhận về môi trường, chứng nhận ISO 14001, chứng nhận về xã hội (FairTrade, SA 8000).

### 1.4. Hàn Quốc

- Tổng nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc năm 2020 là 5,54 tỷ USD, chiếm 3,4% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào Hàn Quốc năm 2020 là 770,9 triệu USD, chiếm 13,9% tổng kim ngạch nhập khẩu của Hàn Quốc.

- Những mặt hàng thủy sản Việt Nam có khả năng xuất khẩu sang Hàn Quốc gồm: Bạch tuộc (đông lạnh, hun khói, đông lạnh, sấy khô, muối hoặc ngâm nước muối) (HS: 0307Xd - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 44%); Tôm shrimp và tôm prawn: đông lạnh (HS: 030617 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 17%); Chả cá, cá nguyên con, đông lạnh (HS: 0303Xa - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 96%); Tôm shrimp và tôm prawn: đã được chế biến hoặc bảo quản (HS: 160521 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 41%); Cá tra phile đông lạnh (HS: 030462 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 95%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu:

Với các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm, Hàn Quốc có luật vệ sinh an toàn thực phẩm. Hàng nhập khẩu phải đăng ký với Cơ quan quản lý thuốc và

thực phẩm Hàn Quốc (KFDA). Cơ quan này có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm, các yêu cầu về nhãn mác, bao gói.

### 1.5. EU

- Tổng nhu cầu nhập khẩu thủy sản của EU năm 2020 là 56,16 tỷ USD, chiếm 34,9% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào EU năm 2020 là 925 triệu USD, chiếm 13,25% tổng kim ngạch nhập khẩu ngoại khối của EU. Tổng nhu cầu nhập khẩu thủy sản của EU bình quân khoảng 9,2 triệu tấn, tiêu thụ bình quân đạt 24,5kg/người, nguồn cung nội địa có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn phụ thuộc nhập khẩu.

- Những mặt hàng thủy sản Việt Nam có khả năng xuất khẩu sang EU gồm: Cá tra phile đông lạnh (HS: 030462 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 75%); Tôm shrimp và tôm prawn: đông lạnh (HS: 030617 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 56%); Tôm shrimp và tôm prawn: đã được chế biến hoặc bảo quản (HS: 160521 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 38%); Cá tra phile tươi, ướp lạnh (HS: 030432 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 27%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu:

+ Quy định về an toàn thực phẩm:

Truy xuất nguồn gốc xuất xứ: Giấy chứng nhận HACCP cùng với việc áp dụng thực hành vệ sinh tốt (GHPs) và thực hành nông nghiệp tốt (GAPs). Đây là những tiêu chuẩn tự nguyện nhưng hiện nay đang được các nước EU áp dụng như tiêu chuẩn bắt buộc đối với các sản phẩm nhập khẩu.

+ Quy định kiểm dịch động thực vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực phẩm của Cơ quan Giám định thực phẩm có thẩm quyền của nước sản xuất để đảm bảo không bị côn trùng và bệnh tật.

+ Quy định về chất lượng thương mại và nhãn mác: Phần lớn các quy định thông thường đều tập trung đến phẩm chất, kích thước, trọng lượng và ghi nhãn bao bì. Quy định ghi nhãn mác yêu cầu các thông tin như: Nước xuất xứ, tên sản phẩm, chủng loại và số lượng. Những yêu cầu liên quan đến chất lượng thương mại là chủng loại, màu sắc, thời hạn sử dụng, hư hỏng bên ngoài và hình dạng của sản phẩm.

+ Các quy định về hệ thống quản lý tại đơn vị sản xuất như chứng nhận ISO 14001, hệ thống kiểm toán và quản lý sinh thái (EMAS), chứng nhận SA8000 cũng là điều kiện cần thiết để xuất khẩu sang thị trường EU.

+ Ngoài ra, EU còn ngày càng quan tâm đến các tiêu chuẩn phát triển bền vững, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp điển hình như môi trường và lao động.

+ Sản phẩm hữu cơ: Riêng đối với nông sản xuất khẩu cần thêm chứng nhận về nông nghiệp hữu cơ đối với đơn hàng hữu cơ.

### 1.6. Liên bang Nga

- Tổng nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Liên bang Nga năm 2020 là 2,21 tỷ USD, chiếm 1,4% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào Liên bang Nga năm 2020 là 135,8 triệu USD, chiếm 6,1% tổng kim ngạch nhập khẩu của Nga.

- Những mặt hàng thủy sản Việt Nam có khả năng xuất khẩu sang Liên bang Nga gồm: Tôm shrimp và tôm prawn: đông lạnh (HS: 030617 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 74%); Cá tra phile đông lạnh (HS: 030462 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 41%); Chả cá, cá nguyên con, đông lạnh (HS: 0303Xa - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 71%).

- Lưu ý khác: trong Liên minh Kinh tế Á – Âu (gồm Nga, Belarus, Kazakhstan, Armenia, Kyrgyzstan), thương mại của Việt Nam chủ yếu với Liên bang Nga (chiếm gần 100% đối với các mặt hàng nông, thủy sản). Các mặt hàng nông sản, của Việt Nam là những mặt hàng người Nga ưa chuộng và cũng nằm trong nhóm các mặt hàng thiết yếu của người dân trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19.

Trong trường hợp hai bên tiếp tục nỗ lực tháo gỡ các vướng mắc, đẩy nhanh các quy trình kiểm tra cấp phép...; ký các thỏa thuận công nhận lẫn nhau, dự báo thương mại hàng nông sản giữa hai nước sẽ tăng khoảng 10% vào năm 2021 và sẽ tiếp tục có tăng trưởng tốt vào những năm tiếp theo (trong trường hợp sản xuất của Việt Nam được ổn định, chất lượng hàng hóa xuất khẩu được đảm bảo).

### 1.7. ASEAN

- Tổng nhu cầu nhập khẩu thủy sản của ASEAN năm 2020 là 8,4 tỷ USD, chiếm 5,2% giá trị nhập khẩu toàn cầu. Trong đó, Việt Nam là nước xuất khẩu thủy sản đứng thứ 4 tại Singapore, chiếm 12% tổng nhập khẩu thủy sản của Singapore. Dự báo, các mặt hàng thủy sản của Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng ổn định trong năm 2021 với các mặt hàng cao cấp được quan tâm như tôm mũ ni, tôm càng xanh, tôm hùm, cá mú, thủy hải sản khô, thủy hải sản đóng hộp và các sản phẩm thủy hải sản chế biến. Ngoài ra, trong những năm gần đây, Việt Nam xuất khẩu thủy sản sang Thái Lan với kim ngạch đạt giá trị cao (khoảng 256 triệu USD/năm). Dự báo, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Thái Lan tiếp tục có sự tăng trưởng hậu Covid-19.

- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào ASEAN năm 2020 là 560,9 triệu USD, chiếm 6,7% tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường này.

- Những mặt hàng thủy sản Việt Nam có khả năng xuất khẩu sang ASEAN gồm: Cá tra phile đông lạnh (HS: 030462 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 19%); Cá tra phile tươi, ướp lạnh (HS: 030432 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 43%); Tôm shrimp và tôm prawn: đông lạnh (HS: 030617 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 51%); Tôm shrimp và tôm prawn: đã được chế biến hoặc bảo quản (HS: 160521 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 58%);

### 1.8. Ấn Độ

- Tổng nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Ấn Độ năm 2020 là 137,4 triệu USD, chiếm 0,1% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào Ấn Độ năm 2020 là 10 triệu USD, chiếm 7,3% tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường này.

- Những mặt hàng thủy sản Việt Nam có khả năng xuất khẩu sang Ấn Độ gồm: Tôm shrimp và tôm prawn: đông lạnh (HS: 030617 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 100%).

### 1.9. Úc

- Tổng nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Úc năm 2020 là 1,38 tỷ USD, chiếm 0,9% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào Úc năm 2020 là 229 triệu USD, chiếm 16,6% tổng kim ngạch nhập khẩu của Úc.

- Những mặt hàng thủy sản Việt Nam có khả năng xuất khẩu sang Úc gồm: Cá tra phile đông lạnh (HS: 030462 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 36%); Tôm shrimp và tôm prawn: đông lạnh (HS: 030617 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 100%).

### 1.10. New Zealand

- Tổng nhu cầu nhập khẩu thủy sản của New Zealand năm 2020 là 248,9 triệu USD, chiếm 0,2% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào New Zealand năm 2020 là 16,2 triệu USD, chiếm 6,5% tổng kim ngạch nhập khẩu của New Zealand.

- Những mặt hàng thủy sản Việt Nam có khả năng xuất khẩu sang New Zealand gồm: Cá tra phile đông lạnh (HS: 030462 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 26%).

### 1.11. Canada

- Tổng nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Canada năm 2020 là 3,45 tỷ USD, chiếm 2,1% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào Canada năm 2020 là 264 triệu USD, chiếm 7,6% tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường này. Trong đó nhiều chủng loại đã chiếm thị phần rất cao tại thị trường này như cá basa (chiếm gần 100% thị trường cá da trơn nhập khẩu của Canada), tôm bao gồm tôm đông lạnh và tôm chế biến đứng đầu trong số các nước xuất khẩu tôm vào Canada và chiếm gần 1/3 thị phần nhập khẩu, cá ngừ vàng, mắt to đông lạnh chiếm 89% thị phần... Thuế MFN của Canada đối với các mặt hàng này hiện là 4-5% và theo cam kết CPTPP thuế suất cho các mặt hàng này giảm về 0% ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực. Đây là cơ hội để Việt Nam tiếp tục giữ vững thị phần và đa dạng hóa các chủng loại mặt hàng xuất khẩu vào thị trường này.

- Những mặt hàng thủy sản Việt Nam có khả năng xuất khẩu sang Canada gồm: Cá tra phile đông lạnh (HS: 030462 - dung lượng thị trường còn khả năng

khai thác là 46%); Tôm shrimp và tôm prawn: đông lạnh (HS: 030617 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 7%).

- Lưu ý khác: Các mặt hàng thủy sản của Việt Nam hiện đã có mặt ở hầu hết các siêu thị lớn của Canada nhưng được bán qua nhà phân phối, chưa bán trực tiếp. Hiện nay, các công ty lớn của Canada có xu hướng mua trực tiếp từ nhà sản xuất để cắt giảm chi phí (Costco, Metro...), do đó việc các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam có thể tiếp cận và giới thiệu sản phẩm với các nhà bán lẻ lớn của Canada là rất quan trọng.

### **1.12. Mexico**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Mexico năm 2020 là 968,4 triệu USD, chiếm 0,6% giá trị nhập khẩu toàn cầu. Hàng năm Mexico nhập khẩu khoảng 351 triệu USD cá đông lạnh. Mexico là một thị trường dễ tính với dân số đông, sức tiêu thụ mạnh, yếu tố về giá mang tính quyết định.

- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào Mexico năm 2020 là 62 triệu USD, chiếm 6,4% tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường này. Đối với mặt hàng cá đông lạnh, hiện Việt Nam đang là nước xuất khẩu lớn thứ 2 sau Trung Quốc. Đối với mặt hàng tôm, hiện Mexico đang có lệnh cấm nhập khẩu tôm từ một số nước châu Á trong đó có Việt Nam. Khi lệnh cấm được xóa bỏ, chắc chắn với thế mạnh về giá và chất lượng, Việt Nam có nhiều cơ hội chiếm lĩnh thị trường khi mức thuế hiện tại cho nhóm hàng này là khoảng 20%.

- Những mặt hàng thủy sản Việt Nam có khả năng xuất khẩu sang Mexico gồm: Tôm shrimp và tôm prawn: đã được chế biến hoặc bảo quản (HS: 160521 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 99%)

- Lưu ý khác: Tiêu dùng thủy sản ở Mexico còn tương đối khiêm tốn nhưng có xu hướng gia tăng những năm gần đây. Trước đây, người dân Mexico thường cho rằng cá và các loại hải sản là những thực phẩm tương đối đắt đỏ và mang lại nhiều rủi ro cho sức khỏe, tuy nhiên ngày càng nhiều người dân Mexico nhận ra giá trị dinh dưỡng cao của các sản phẩm này. Với việc nhiều mặt hàng thủy sản của ta xuất khẩu sang Mexico được hưởng thuế suất 0% kể từ năm thứ 3, Việt Nam có nhiều cơ hội tận dụng ưu đãi về thuế của CPTPP để cạnh tranh với các nước khác.

### **1.13. Châu Phi**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Châu Phi năm 2020 là 5,7 tỷ USD, chiếm 3,5% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào Châu Phi năm 2020 là 59,9 triệu USD, chiếm 1,1% tổng kim ngạch nhập khẩu của Châu Phi.

- Những mặt hàng thủy sản Việt Nam có khả năng xuất khẩu sang Châu Phi gồm: Tôm shrimp và tôm prawn: đông lạnh (HS: 030617 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 63%).

### **1.14. Trung Đông**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Trung Đông năm 2020 là 4,1 tỷ USD, chiếm 2,5% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào Trung Đông năm 2020 là 181,1 triệu USD, chiếm 4,4% tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Đông.

- Những mặt hàng thủy sản Việt Nam có khả năng xuất khẩu sang Trung Đông gồm: Cá tra phile đông lạnh (HS: 030462 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 40%); Tôm shrimp và tôm prawn: đông lạnh (HS: 030617 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 37%).

## **2. Gạo**

### **2.1. Hoa Kỳ**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu gạo của Hoa Kỳ năm 2020 là 1,28 tỷ USD, chiếm 5% giá trị nhập khẩu toàn cầu (đứng thứ 3 thế giới về nhập khẩu).

- Kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam vào Hoa Kỳ năm 2020 là 13,9 triệu USD, chiếm 1,1% tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường này. Theo dự báo cập nhật tháng 6/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hoa Kỳ trong năm 2021 tiếp tục được dự báo sẽ đạt khoảng 7,23 triệu tấn. tăng khoảng 1,35 triệu tấn so với năm 2020. Mức nhập khẩu gạo năm 2021 của Hoa Kỳ dự báo đạt 1,2 nghìn tấn, giảm khoảng 0,01 nghìn tấn so với năm 2020. Xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường này dự kiến sẽ tăng nhẹ so với năm 2020, chủ yếu là các loại gạo thơm, gạo chất lượng cao. Do tình hình dịch bệnh vẫn nghiêm trọng và chưa thể kiểm soát tại một số quốc gia là đối thủ cạnh tranh chính về xuất khẩu gạo sang Hoa Kỳ như Thái Lan, Ấn Độ, Pakistan..., nên dự báo xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Hoa Kỳ vẫn sẽ tăng nhẹ trong những tháng tiếp theo. Tuy nhiên, vì Hoa Kỳ là quốc gia sản xuất gạo với số lượng lớn, hơn nữa nhu cầu sử dụng gạo bình quân đầu người không cao, nên khó có thể kỳ vọng kim ngạch xuất khẩu cao ở thị trường này.

- Những mặt hàng gạo Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ (HS: 100630, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 93%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu:

+ Đăng ký chứng nhận FDA: bất cứ nhà xuất khẩu nào nếu muốn đưa sản phẩm (thực phẩm, đồ uống, dược phẩm) của mình vào Hoa Kỳ đều phải tuân thủ những quy định của Cục FDA và có được giấy chứng nhận FDA. Doanh nghiệp phải đăng ký với FDA để được cấp mã số cơ sở thực phẩm FFR. Ngoài ra, cứ hai năm một lần, nghĩa là vào các năm chẵn các doanh nghiệp nước ngoài trong đó có các doanh nghiệp Việt Nam đang xuất hàng thực phẩm và đồ uống cho người và động vật vào thị trường Mỹ lại phải đăng ký lại Cơ sở sản xuất và Người đại diện tại Mỹ với Cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) để được cấp Mã số kinh doanh hợp lệ mới.

+ Tất cả sản phẩm khi nhập khẩu đều phải có giấy chứng nhận quốc tế ISO 9002 và HACCP.

+ Các quy định về SPS, an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm dịch động thực vật được ban hành, giám sát và thực thi bởi các cơ quan khác nhau. Cụ thể: (i) Cục quản lý Dược phẩm và Thực phẩm (FDA) chịu trách nhiệm cho hầu hết các giám sát An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền của Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang Hoa Kỳ và pháp luật khác; FDA có trách nhiệm về

bảo vệ người tiêu dùng chống lại sự không sạch sẽ, không an toàn, và gian lận khi gắn nhãn thực phẩm khác hơn là trong các lĩnh vực quy định của FSIS; (ii) Cơ quan Kiểm dịch và An toàn thực phẩm Hoa Kỳ (FSIS) có trách nhiệm đảm bảo rằng thịt, gia cầm và sản phẩm trứng được an toàn, lành mạnh, và nhãn chính xác; (iii) Bộ Nông nghiệp (USDA) có trách nhiệm kiểm tra sự an toàn của thịt và trứng, cũng như động vật và thực vật kiểm soát sâu bệnh, bao gồm cả kiểm tra kiểm dịch thực vật và động vật và dịch hại cây trồng; (iv) Cơ Quan Bảo Vệ Môi trường (EPA) có trách nhiệm quản lý thuốc trừ sâu, bao gồm đăng ký thuốc trừ sâu và sử dụng các thiết lập tương ứng với tiêu chuẩn. Các tổ chức này đóng một vai trò rất quan trọng về an toàn thực phẩm các loại khác nhau và trong các giai đoạn khác nhau.

+ Quy định về nhãn hàng hóa: việc ghi nhãn sản phẩm là một việc quan trọng và được quy định chặt chẽ bởi pháp luật. Một số sản phẩm có những quy định dán nhãn bắt buộc. Việc ghi sai hoặc thiếu nhãn sản phẩm theo quy định có thể bị từ chối nhập cảnh tại cảng, hoặc tệ hơn còn bị phạt vì vi phạm các quy định ghi nhãn của Hoa Kỳ. Việc quản lý và kiểm tra các quy định ghi nhãn do một số cơ quan chính phủ khác nhau ban hành và giám sát, bao gồm Ủy ban Thương mại công bằng (FTC – Federal Trade Commission), Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA), Ủy ban An toàn sản phẩm tiêu dùng (Consumer product Safety Commission CPSC), và nhiều cơ quan khác, tùy thuộc vào chủng loại hàng hóa.

+ Truy xuất nguồn gốc: Chương trình ghi nhãn nước xuất xứ (COOL) yêu cầu tên nước xuất xứ phải được ghi rõ trên nhãn của sản phẩm đối với một số mặt hàng nông sản.

## **2.2. Trung Quốc**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu gạo của Trung Quốc năm 2020 là 1,4 tỷ USD, chiếm 5,6% giá trị nhập khẩu toàn cầu (đứng thứ 1 thế giới về nhập khẩu).

- Xuất khẩu gạo Việt Nam sang Trung Quốc tăng rất mạnh 70% về lượng, tăng 92,7% về kim ngạch và tăng 13,3% về giá so với năm 2019, đưa Trung Quốc lên vị trí thứ 2 về tiêu thụ gạo của Việt Nam với 810.838 tấn, tương đương 463 triệu USD, chiếm 31,7% tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường.

- Những mặt hàng gạo Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ (HS: 100630, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 32%); Gạo tấm (HS: 100640, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 27%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu:

+ Giấy phép nhập khẩu: Hàng hóa khi nhập khẩu vào Trung Quốc cần xin giấy phép nhập khẩu. Đơn đăng ký hoặc xin cấp phép nhập khẩu thường được gửi đến Bộ Thương mại hoặc các đơn vị địa phương có thẩm quyền.

+ Chứng thư/giấy chứng nhận kiểm dịch phải do cơ quan chủ quản kiểm dịch của Việt Nam cấp và được bên bán/ xuất khẩu làm các thủ tục kiểm dịch trước khi ký hợp đồng/thỏa thuận thương mại với bên mua/ bên nhập khẩu.

### 2.3. Nhật Bản

- Tổng nhu cầu nhập khẩu gạo của Nhật Bản năm 2020 là 503,6 triệu USD, chiếm 1,9% giá trị nhập khẩu toàn cầu (đứng thứ 13 thế giới về nhập khẩu).

- Kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam vào Nhật Bản năm 2020 là 0,3 triệu USD, chiếm 0,1% tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường này.

### 2.4. Hàn Quốc

- Tổng nhu cầu nhập khẩu gạo của Hàn Quốc năm 2020 là 375,4 triệu USD, chiếm 1,4% giá trị nhập khẩu toàn cầu (đứng thứ 14 thế giới về nhập khẩu).

- Kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam vào Hàn Quốc năm 2020 là 54,4 triệu USD, chiếm 14,5% tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường này và có mức tăng trưởng ấn tượng khi đạt khoảng 405%/năm. Mặt hàng này được kỳ vọng sẽ xuất khẩu ổn định trong thời gian tới do kể từ năm 2020 Hàn Quốc bắt đầu áp dụng hạn ngạch nhập khẩu gạo của Việt Nam là 55.112 tấn/năm trong 10 năm (2020-2030).

- Những mặt hàng gạo Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Gạo lứt (HS: 100620 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 94%); Gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ (HS: 100630, 99%).

### 2.5. EU

- Tổng nhu cầu nhập khẩu gạo của EU năm 2020 là 2,91 tỷ USD, chiếm 11,2% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam vào EU năm 2020 là 46,4 triệu USD, chỉ chiếm 2,9% tổng kim ngạch nhập khẩu ngoại khối của khu vực này và vẫn còn khá khiêm tốn so với các nguồn cung cạnh tranh khác như Ấn Độ, Thái Lan, Campuchia, Pakistan. Xuất khẩu mặt hàng gạo của Việt Nam sang thị trường EU vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng trong những năm tới bởi theo Eurostat, trong giai đoạn từ năm 2015-2020, lượng gạo nhập khẩu của EU tăng trưởng bình quân 4,9%/năm, từ 2,95 triệu tấn trong năm 2015 lên 3,75 triệu tấn vào năm 2020.

Nhu cầu đối với các loại gạo đặc sản chất lượng cao từ khu vực châu Á đang có xu hướng tăng. Thực tế cho thấy, tỷ trọng gạo nhập khẩu của EU trong nội khối có xu hướng giảm trong khi ngoại khối lại tăng. Ngoài ra, nhu cầu nhập khẩu gạo lứt, gạo hữu cơ của EU trong thời gian qua cũng tăng trưởng cao hơn so với các mặt hàng khác do nhận thức về chế độ ăn uống lành mạnh, những sản phẩm có lợi cho sức khỏe.

- Những mặt hàng Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ (HS: 100630, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 94%); Gạo tằm (HS: 100640, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 98%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu:

+ Khi doanh nghiệp xuất khẩu gạo thơm vào EU, để được miễn thuế nhập khẩu của EU theo hạn ngạch, phải có chứng nhận đúng chủng loại được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

+ EU quy định khắt khe đối với chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, bắt buộc cung cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ khi làm thủ tục hải quan.

+ Từ tháng 1/2018 Ủy ban Châu Âu (EC) quy định mức dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật cho phép trong gạo NK 0,01mg/kg.

+ Một số chứng chỉ theo các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế như: HACPP, HALAL hay BRC nhằm đảm bảo khả năng cung ứng các sản phẩm phù hợp với thị hiếu và yêu cầu khó tính của các thị trường tiêu dùng cao cấp như EU.

## **2.6. ASEAN**

- Kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam vào ASEAN năm 2020 là 1,4 tỷ USD. Trong đó, Philippines luôn đứng ở vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam chiếm tới 33,9% thị phần. Xuất khẩu gạo sang khu vực thị trường này trong năm 2020 đạt 2,22 triệu tấn và 1,06 tỷ USD, tăng 4% về khối lượng và tăng 19,3% về giá trị so với năm 2019. Ngoài ra, nhu cầu nhập khẩu gạo của Malaysia cũng tăng mạnh trong những năm gần đây. Do không có điều kiện thổ nhưỡng tốt để phát triển nông nghiệp, khả năng tự cung ứng gạo của Malaysia chỉ đáp ứng được khoảng 65-70% nhu cầu tiêu thụ trong nước. Hàng năm, Malaysia nhập khẩu (từ 900 nghìn tới 1 triệu tấn) để đáp ứng nhu cầu trong nước và dự trữ tùy thuộc vào sản lượng gạo sản xuất trong nước.

- Những mặt hàng gạo Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ (HS: 100630, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 9%).

## **2.7. Úc**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu gạo của Úc năm 2020 là 236,2 triệu USD, chiếm 1% giá trị nhập khẩu toàn cầu (đứng thứ 33 thế giới về nhập khẩu).

- Kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam vào Úc năm 2020 là 18,6 triệu USD, chiếm 7,1% tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường này.

- Những mặt hàng gạo Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ (HS: 100630, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 73%).

## **2.8. Canada**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu gạo của Canada năm 2020 là 445,1 triệu USD, chiếm 1,7% giá trị nhập khẩu toàn cầu (đứng thứ 15 thế giới về nhập khẩu).

- Kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam vào Canada năm 2020 là 9,3 triệu USD, chiếm 2,1% tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường này.

## **2.9. Mexico**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu gạo của Mexico năm 2020 là 434,1 triệu USD, chiếm 1,7% giá trị nhập khẩu toàn cầu (đứng thứ 16 thế giới về nhập khẩu).

- Mexico hiện phải nhập khẩu gạo khoảng 900 nghìn tấn/năm. Theo cam kết CPTPP, gạo trắng Việt Nam xuất khẩu vào Mexico được hưởng thuế 0% vào năm thứ 11 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, với lộ trình giảm trong 10 năm đầu cắt giảm 2% mỗi năm. Nếu gạo Việt Nam cạnh tranh được về giá với gạo của các đối thủ và đảm bảo chất lượng, Việt Nam sẽ quay trở lại là một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu vào Mexico.

- Những mặt hàng gạo Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ (HS: 100630, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 98%).

## **2.10. Châu Phi**

- Kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam vào Châu Phi năm 2020 là 549 triệu USD. Các thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất gồm Bờ Biển Ngà, Ghana, Senegal, Mozambique, Cameroon, Gabon, Tanzania, Ai Cập... Trong đó hai thị trường lớn nhất là Ga-na và Bờ biển Ngà với kim ngạch xuất khẩu lần lượt là 282 triệu USD và 207 triệu USD. Dự báo, trong bối cảnh dịch bệnh, với tình trạng thiên tai, mất mùa, bất ổn chính trị các nước châu Phi vẫn có nhu cầu ngày càng tăng về lương thực, thực phẩm, đặc biệt là gạo.

- Những mặt hàng gạo Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ (HS: 100630, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 38%); Gạo tằm (HS: 100640 – dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 32%).

## **2.11. Trung Đông**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu gạo của Trung Đông năm 2020 là 5,4 tỷ USD, chiếm 22,8% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam vào hai thị trường chính của khu vực này là Ả Rập Xê-út năm 2020 là 19,2 triệu USD và Các Tiểu vương quốc Ả Rập (UAE) là 25 triệu USD.

- Những mặt hàng gạo Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ (HS: 100630, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 60%).

## **3. Rau quả**

### **3.1. Hoa Kỳ**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu rau quả của Hoa Kỳ năm 2020 là 20,5 triệu tấn rau quả tươi, trị giá trên 42,23 tỷ USD, chiếm 15,3% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam vào Hoa Kỳ năm 2020 là 1,39 tỷ USD, chiếm 3,3% trong tổng trị giá nhập khẩu hàng rau quả của Hoa Kỳ, như vậy thị trường Hoa Kỳ vẫn còn có rất nhiều tiềm năng đối với hàng rau quả của Việt Nam.

- Những mặt hàng rau quả Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Trái cây tươi (HS: 0810, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 15%); Trái cây đông lạnh (HS: 081190, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 19%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu:

+ Đăng ký chứng nhận FDA: bất cứ nhà xuất khẩu nào nếu muốn đưa sản phẩm (thực phẩm, đồ uống, dược phẩm) của mình vào Hoa Kỳ đều phải tuân thủ những quy định của Cục FDA và có được giấy chứng nhận FDA. Doanh nghiệp phải đăng ký với FDA để được cấp mã số cơ sở thực phẩm FFR. Ngoài ra, cứ hai năm một lần, nghĩa là vào các năm chẵn các doanh nghiệp nước ngoài trong đó có các doanh nghiệp Việt Nam đang xuất khẩu hàng thực phẩm và đồ uống cho người và động vật vào thị trường Mỹ lại phải đăng ký lại Cơ sở sản xuất và Người đại diện tại Mỹ với Cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) để được cấp Mã số kinh doanh hợp lệ mới.

+ Tất cả sản phẩm khi nhập khẩu đều phải có giấy chứng nhận quốc tế ISO 9002 và HACCP.

+ Các quy định về SPS, an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm dịch động thực vật được ban hành, giám sát và thực thi bởi các cơ quan khác nhau. Cụ thể: (i) Cục quản lý Dược phẩm và Thực phẩm (FDA) chịu trách nhiệm cho hầu hết các giám sát An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền của Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang Hoa Kỳ và pháp luật khác; FDA có trách nhiệm về bảo vệ người tiêu dùng chống lại sự không sạch sẽ, không an toàn, và gian lận khi gắn nhãn thực phẩm khác hơn là trong các lĩnh vực quy định của FSIS; (ii) Cơ quan Kiểm dịch và An toàn thực phẩm Hoa Kỳ (FSIS) có trách nhiệm đảm bảo rằng thịt, gia cầm và sản phẩm trứng được an toàn, lành mạnh, và nhãn chính xác; (iii) Bộ Nông nghiệp (USDA) có trách nhiệm kiểm tra sự an toàn của thịt và trứng, cũng như động vật và thực vật kiểm soát sâu bệnh, bao gồm cả kiểm tra kiểm dịch thực vật và động vật và dịch hại cây trồng; (iv) Cơ Quan Bảo Vệ Môi trường (EPA) có trách nhiệm quản lý thuốc trừ sâu, bao gồm đăng ký thuốc trừ sâu và sử dụng các thiết lập tương ứng với tiêu chuẩn. Các tổ chức này đóng một vai trò rất quan trọng về an toàn thực phẩm các loại khác nhau và trong các giai đoạn khác nhau.

+ Quy định về nhãn hàng hóa: việc ghi nhãn sản phẩm là một việc quan trọng và được quy định chặt chẽ bởi pháp luật. Một số sản phẩm có những quy định dán nhãn bắt buộc. Việc ghi sai hoặc thiếu nhãn sản phẩm theo quy định có thể bị từ chối nhập cảnh tại cảng, hoặc tệ hơn còn bị phạt vì vi phạm các quy định ghi nhãn của Hoa Kỳ. Việc quản lý và kiểm tra các quy định ghi nhãn do một số cơ quan chính phủ khác nhau ban hành và giám sát, bao gồm Ủy ban Thương mại công bằng (FTC – Federal Trade Commission), Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA), Ủy ban An toàn sản phẩm tiêu dùng (Consumer product Safety Commission CPSC), và nhiều cơ quan khác, tùy thuộc vào chủng loại hàng hóa.

+ Truy xuất nguồn gốc: Chương trình ghi nhãn nước xuất xứ (COOL) yêu cầu tên nước xuất xứ phải được ghi rõ trên nhãn của sản phẩm đối với một số mặt hàng nông sản.

- Lưu ý khác: Đến nay, Việt Nam được chính thức cấp phép xuất khẩu 6 loại hoa quả tươi sang Hoa Kỳ gồm xoài, nhãn, vải, thanh long, chôm chôm và vú sữa. Các hoa quả khác có thể được xuất khẩu ở dạng đông lạnh hoặc sản phẩm chế biến (đóng hộp, sấy khô). Thị trường Hoa Kỳ nhiều cơ hội nhưng cạnh tranh rất gay gắt cả về chất lượng và giá. Bên cạnh các yêu cầu kiểm soát chất lượng, đóng gói, thủ tục đăng ký doanh nghiệp xuất nhập khẩu..., các hoa

quả tiêu biểu của Việt Nam như xoài, vải, thanh long phải cạnh tranh khốc liệt với các sản phẩm cùng loại được trồng ngày càng nhiều tại các bang như Florida, California, hay tại Mexico và các nước Nam Mỹ có điều kiện tự nhiên gần giống Việt Nam, cũng như sản phẩm của các nước Châu Á khác và sản phẩm thay thế được trồng ngay tại Hoa Kỳ. Các đối thủ này có lợi thế lớn nhờ chi phí vận chuyển, bảo quản thấp, thời gian đưa ra thị trường ngắn. Theo thống kê của phía Hoa Kỳ, năm 2019, các nguồn cung cấp trái cây lớn nhất vào Hoa Kỳ gồm: Mexico, trên 7 tỷ USD, Chile, 1,8 tỷ USD, Guatemala và Peru mỗi nước 1,2 tỷ USD.

Các doanh nghiệp cần đầu tư phát triển sản phẩm mới đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng Hoa Kỳ ngày càng ưu chuộng sản phẩm “dùng ngay” (đến mức đã gọt vỏ, thái miếng nhỏ, bán kèm cả tăm, đĩa phục vụ người dùng) và xu hướng ưu thích sản phẩm đáp ứng nhiều nhu cầu như ăn trực tiếp hay pha cocktail, trộn salad, làm bánh, nấu chè... Theo hướng này, chúng ta sẽ hướng tới phục vụ quanh năm cho thị trường 300 triệu người tiêu dùng tại Mỹ, không chỉ tập trung vào hơn 2 triệu người Việt hay nhóm khách hàng gốc Á.

### **3.2. Trung Quốc**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc năm 2020 là 6,52 triệu tấn rau quả tươi và sấy khô các loại, trị giá trên 15,76 tỷ USD, chiếm 5,7% giá trị nhập khẩu toàn cầu, tăng 2,5% về giá trị so với năm 2019.

- Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam vào Trung Quốc năm 2020 là 1.839 triệu USD. Trị giá nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 11,7% trong tổng trị giá nhập khẩu hàng rau quả của Trung Quốc, như vậy thị trường Trung Quốc vẫn còn có rất nhiều tiềm năng đối với hàng rau quả của Việt Nam. Hiện nay, đã có 9 loại trái cây của Việt Nam được xuất khẩu chính ngạch sang thị trường Trung Quốc, bao gồm: chuối, thanh long, dưa hấu, nhãn, vải, mít, xoài, chôm chôm, măng cụt. Ngoài ra, Việt Nam vẫn đang tiếp tục thúc đẩy mở cửa cho các loại trái cây khác như sầu riêng, bơ, bưởi, dứa, na, roi... xuất khẩu sang thị trường này.

- Những mặt hàng rau quả Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Trái cây tươi (HS: 0810, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 55%); Quả sầu riêng, tươi (HS: 081060, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 48%); Dứa tươi (HS: 0801, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 68%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu: Thị trường Trung Quốc hiện nay đòi hỏi rất cao về chất lượng, mẫu mã, bao bì, quy cách đóng gói, đặc biệt là Trung Quốc rất chú trọng mã số vùng trồng. Yêu cầu này bắt buộc đối với hàng hóa của tất cả các quốc gia.

### **3.3. Nhật Bản**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu rau quả của Nhật Bản năm 2020 đạt 9,71 tỷ USD, chiếm 3,5% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam vào Nhật Bản năm 2020 là 170,2 triệu USD. Trị giá nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 1,8% tổng trị giá nhập khẩu hàng rau quả của Nhật Bản, như vậy Nhật Bản là một thị trường xuất

khẩu rau quả tiềm năng của Việt Nam khi đây là một trong 10 thị trường nhập khẩu hàng rau quả lớn trên thế giới.

- Những mặt hàng rau quả Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Trái cây tươi (HS: 0810, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 26%); Trái cây, đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh (HS: 081190, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 54%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu:

- + Theo các quy định của Nhật Bản, các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm rau quả được yêu cầu rất cao, đòi hỏi về tiêu chuẩn chất lượng và dư lượng hóa chất nông nghiệp theo Luật Vệ Sinh Thực Phẩm. Nếu bị phát hiện có các dư lượng vượt quá mức cho phép, sau đó các sản phẩm này sẽ bị giám sát rất chặt chẽ. Trước khi hàng đến, các nhà xuất khẩu phải thông báo cho các trạm kiểm dịch tại địa điểm nhập khẩu biết thông qua hệ thống điện tử do Bộ Y tế và Phúc lợi xã hội quản lý.

- + Các mặt hàng khi đến thị trường Nhật Bản không thể thiếu bởi người Nhật đưa ra 5 yếu tố (5S) gần như đã thành quy chuẩn gồm: sạch sẽ, sàng lọc, cắt bỏ những thứ không cần thiết, môi trường trong sạch và để đồ đạc ngăn nắp.

- + Quy định chất lượng thương mại và ghi nhãn mác: Nhật Bản đòi hỏi sản phẩm nhập khẩu phải tuân thủ các quy định trong Luật vệ sinh Thực phẩm, Luật tiêu chuẩn Nông Nghiệp của Nhật Bản và Luật đo lường.

- + Chứng nhận nông sản xuất khẩu: chứng nhận về môi trường, chứng nhận ISO 14001, chứng nhận về xã hội (FairTrade, chứng nhận SA 8000).

### **3.4. Hàn Quốc**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu rau quả của Hàn Quốc năm 2020 đạt 3,65 tỷ USD, chiếm 1,3% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam vào Hàn Quốc năm 2020 là 216,1 triệu USD. Trị giá nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 5,9% trong tổng trị giá nhập khẩu hàng rau quả của Hàn Quốc nhưng có mức tăng trưởng bình quân hàng năm khá cao, đạt 32%/năm. Như vậy thị trường Hàn Quốc vẫn còn có rất nhiều tiềm năng đối với hàng rau quả của Việt Nam.

- Những mặt hàng rau quả Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Trái cây tươi (HS: 0810, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 86%); Chuối tươi hoặc khô (HS: 0803, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 88%); Quả ôi, xoài và măng cụt: tươi hoặc khô (HS: 084050, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 81%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu: Với các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm, Hàn Quốc có luật vệ sinh an toàn thực phẩm. Hàn nhập khẩu phải đăng ký với Cơ quan quản lý thuốc và thực phẩm Hàn Quốc (KFDA). Cơ quan này có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm, các yêu cầu về nhãn mác, bao gói.

### **3.5. EU**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu rau quả của EU năm 2020 đạt 100,6 tỷ USD, chiếm 36,4% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam vào EU năm 2020 là 1,13 tỷ USD. Tỷ trọng nhập khẩu hàng rau quả của EU từ Việt Nam chỉ chiếm 1,1% vẫn còn quá thấp, đây là cơ hội để các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam đẩy mạnh trong thời gian tới. Đặc biệt, với Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), rau quả là một trong những mặt hàng nông sản được hưởng lợi nhiều nhất, bởi 94% trong tổng số 547 dòng thuế rau quả và các sản phẩm chế biến từ rau quả được xóa bỏ. Phần lớn các dòng thuế EU cam kết xóa bỏ ngay hiện đều đang có mức thuế MFN trung bình trên 10%, cá biệt có những sản phẩm rau quả đang chịu thuế trên 20%. Như vậy, mức cam kết này của EU sẽ tạo ra lợi thế rất lớn về giá cho rau quả Việt Nam, đặc biệt trong cạnh tranh nhập khẩu vào EU với các đối thủ chưa có FTA với EU như Thái Lan, Ấn Độ, Campuchia...

- Những mặt hàng rau quả Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Trái cây tươi (HS: 0810, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 91%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu: Hàng hóa xuất khẩu cơ bản phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Quy định về an toàn thực phẩm

- Đáp ứng quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật/thuốc trừ sâu tối đa trong sản phẩm.

- Truy xuất nguồn gốc xuất xứ: Giấy chứng nhận HACCP cùng với việc áp dụng thực hành vệ sinh tốt (GHPs) và thực hành nông nghiệp tốt (GAPs). Đây là những tiêu chuẩn tự nguyện nhưng hiện nay đang được các nước EU áp dụng như tiêu chuẩn bắt buộc đối với các sản phẩm nhập khẩu.

+ Quy định kiểm dịch động thực vật: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực phẩm của Cơ quan Giám định thực phẩm có thẩm quyền của nước sản xuất để đảm bảo không bị côn trùng và bệnh tật.

+ Quy định về chất lượng thương mại và nhãn mác: Phần lớn các quy định thông thường đều tập trung đến phẩm chất, kích thước, trọng lượng và ghi nhãn bao bì. Quy định ghi nhãn mác yêu cầu các thông tin như: Nước xuất xứ, tên sản phẩm, chủng loại và số lượng. Những yêu cầu liên quan đến chất lượng thương mại là chủng loại, màu sắc, thời hạn sử dụng, hư hỏng bên ngoài và hình dạng của sản phẩm.

+ Các quy định về hệ thống quản lý tại đơn vị sản xuất như chứng nhận ISO 14001, hệ thống kiểm toán và quản lý sinh thái (EMAS), chứng nhận SA8000 cũng là điều kiện cần thiết để xuất khẩu sang thị trường EU.

+ Ngoài ra, EU còn ngày càng quan tâm đến các tiêu chuẩn phát triển bền vững, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp điển hình như môi trường và lao động.

+ Sản phẩm hữu cơ: Riêng đối với nông sản xuất khẩu cần thêm chứng nhận về nông nghiệp hữu cơ đối với đơn hàng hữu cơ.

### **3.6. Liên Bang Nga**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu rau quả của Liên Bang Nga năm 2020 đạt 7,85 tỷ USD, chiếm 2,8% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam vào Liên Bang Nga năm 2020 là 116,9 triệu USD, chỉ chiếm 1,5% tổng trị giá nhập khẩu hàng rau quả của thị trường này. Nhập khẩu trái xoài, ổi và măng cụt của thị trường Nga tăng mạnh trong giai đoạn năm 2016 – 2020, tăng bình quân 68,4%/năm. Trị giá nhập khẩu trong năm 2020 đạt 83,46 triệu USD, tăng 187,7% so với năm 2019.

- Theo tính toán từ số liệu thống kê của Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC), chỉ tính riêng tháng 1/2021, Việt Nam là thị trường cung cấp trái xoài, ổi và măng cụt (mã HS 080450) lớn thứ 4 cho Nga, đạt 226 tấn, trị giá 807 nghìn USD, tăng 114% về lượng và tăng 62,7% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 6,1% tổng lượng nhập khẩu. Nga phải nhập khẩu tới 2/3 lượng rau quả tiêu thụ hàng năm. Điều đó cho thấy, dư địa để các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản của Việt Nam khai thác thị trường tiềm năng này là rất lớn.

- Những mặt hàng rau quả Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Trái cây tươi (HS: 0810, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 98%).

### **3.7. ASEAN**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu rau quả của ASEAN năm 2020 đạt 13,71 tỷ USD, chiếm 5% giá trị nhập khẩu toàn cầu. Trong đó, dự báo nhu cầu của Indonesia vẫn rất lớn. Tiêu thụ trái cây ở Indonesia năm 2020 đạt 6,6 triệu tấn, tương đương 10,6 tỷ USD. Trái cây được tiêu thụ nhiều nhất tại Indonesia là chuối (17%), tiếp theo là táo (10%), cam (8%), xoài (8%), chôm chôm (6%) và các loại trái cây khác.

- Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang ASEAN năm 2020 là 412,9 triệu USD, chỉ chiếm 3% tổng trị giá nhập khẩu hàng rau quả của thị trường này.

- Những mặt hàng rau quả Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Trái cây tươi (HS: 0810, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 93%).

### **3.8. Ấn Độ**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu rau quả của Ấn Độ năm 2020 đạt 5,09 tỷ USD, chiếm 1,8% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Ấn Độ năm 2020 là 66,9 triệu USD, chỉ chiếm 1,3% tổng trị giá nhập khẩu hàng rau quả của thị trường này.

- Những mặt hàng rau quả Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Trái cây tươi (HS: 0810, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 54%).

### **3.9. Úc**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu rau quả của Úc năm 2020 đạt 2,07 tỷ USD, chiếm 0,8% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Việt Nam là thị trường cung cấp hàng rau quả chế biến lớn thứ 8 cho Úc trong năm 2020, đạt 181,2 triệu USD. Tỷ trọng nhập khẩu hàng rau quả chế biến của Úc từ Việt Nam chiếm 8,7% tổng kim ngạch nhập khẩu của Úc. Việt Nam là thị trường cung cấp đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong số 10 thị trường cung cấp chính mặt hàng này tới Úc trong năm 2020.

- Những mặt hàng rau quả Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Trái cây tươi (HS: 0810, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 60%); Dừa đã làm khô (HS: 080111, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 95%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu: Để đưa được trái cây Việt Nam vào bán trên thị trường Úc, các doanh nghiệp cần đáp ứng đủ các điều kiện mà Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước Úc quy định như sau:

+ Trước khi nhập khẩu vào Úc, doanh nghiệp cần có giấy phép hợp lệ do Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước Úc cấp. Muốn có giấy phép, doanh nghiệp nhập khẩu cần nộp đơn xin phép nhập khẩu. Trước khi xuất khẩu, trái cây phải được Cục Bảo vệ Thực vật Việt Nam kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận không bị nhiễm côn trùng trong diện kiểm soát an toàn sinh học (kiểm dịch).

+ Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật gốc phải được cấp bởi Cục Bảo vệ Thực vật Việt Nam. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật gốc phải đi kèm với mỗi lô hàng và phải được hoàn thành một cách chính xác theo tiêu chuẩn của Tổ chức Bảo vệ Thực vật Quốc tế (IPPC). Trái cây tươi từ Việt Nam phải được xử lý trước khi vận chuyển hàng bằng phương pháp nhiệt hơi (VHT) với thời gian 40 phút ở nhiệt độ 46,5 độ C, độ ẩm 90% trở lên tại một cơ sở xử lý được Cục Bảo vệ Thực vật Việt Nam phê duyệt.

+ Đối với vận chuyển bằng đường biển, số container và số niêm phong phải được xác nhận và ghi trên giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật hoặc trên chứng từ thương mại (ví dụ trên vận đơn). Nếu được xác nhận trên vận đơn thì số chứng nhận kiểm dịch thực vật cũng phải được ghi rõ.

+ Bao bì phải được làm từ vật liệu tổng hợp hoặc vật liệu chế biến cao nếu có nguồn gốc thực vật. Bao bì không được làm bằng nguyên liệu thực vật chưa qua chế biến chẳng hạn như rơm. Các thùng carton hoặc kiện hàng đơn lẻ phải được dán nhãn với một số nhận dạng duy nhất để thuận tiện cho việc truy xuất nguồn gốc. Kiện hàng phải được buộc chắc chắn.

### **3.10. Canada**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu rau quả của Canada năm 2020 đạt 10,70 tỷ USD, chiếm 3,9% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam vào Canada năm 2020 là 146 triệu USD, chiếm 1,4% tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường này. Rau quả tươi và sản phẩm rau quả của Việt Nam có chất lượng tốt nhưng gặp khá nhiều bất lợi trong cạnh tranh với sản phẩm cùng loại từ Mexico và các nước Nam Mỹ. Tuy vậy, sản phẩm Việt Nam vẫn có cơ hội tiếp cận thị trường Canada nếu Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các địa phương có chiến lược hợp tác với các đối tác lớn như Costco, Walmart ... xây dựng vùng trồng, đáp ứng tiêu chuẩn Global Gap, Canada Gap, cơ sở đóng gói, bảo quản, vận chuyển để cung ứng cho thị trường Canada.

- Những mặt hàng Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Trái cây tươi (HS: 0810, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 78%).

### 3.11. Châu Phi

- Tổng nhu cầu nhập khẩu rau quả của Châu Phi năm 2020 đạt 6,23 tỷ USD, chiếm 2,3% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam vào Châu Phi năm 2020 là 105 triệu USD, chiếm 1,1% tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường này.

### 3.12. Trung Đông

- Tổng nhu cầu nhập khẩu rau quả của Trung Đông năm 2020 đạt 15,3 tỷ USD, chiếm 5,5% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam vào Trung Đông năm 2020 là 361,5 triệu USD, chiếm 2,4% tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường này.

- Những mặt hàng Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Trái cây tươi (HS: 0810, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 93%); Chuối (HS: 0803 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 96%).

## 4. Hạt điều

### 4.1. Hoa Kỳ

- Tổng nhu cầu nhập khẩu hạt điều của Hoa Kỳ năm 2020 đạt 1,1 tỷ USD, chiếm 16,7% giá trị nhập khẩu toàn cầu, tăng 8%, cao nhất trong vòng 10 năm và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong năm 2021.

- Kim ngạch xuất khẩu hạt điều của Việt Nam vào Hoa Kỳ năm 2020 là 993 triệu USD. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 89,9% trong năm 2020, cao hơn so với 85,6% năm 2019. Dự kiến, kim ngạch xuất khẩu hạt điều sẽ tăng trong những tháng tới và triển vọng xuất khẩu hạt điều cả năm 2021 nhìn chung sẽ khả quan nhờ sự hồi phục sau đại dịch của thị trường.

- Những mặt hàng hạt điều Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Hạt điều, đã bóc vỏ (HS: 080132, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 30%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu:

+ Đăng ký chứng nhận FDA: bất cứ nhà xuất khẩu nào nếu muốn đưa sản phẩm (thực phẩm, đồ uống, dược phẩm) của mình vào Hoa Kỳ đều phải tuân thủ những quy định của Cục FDA và có được giấy chứng nhận FDA. Doanh nghiệp phải đăng ký với FDA để được cấp mã số cơ sở thực phẩm FFR. Ngoài ra, cứ hai năm một lần, nghĩa là vào các năm chẵn các doanh nghiệp nước ngoài trong đó có các doanh nghiệp Việt Nam đang xuất khẩu hàng thực phẩm và đồ uống cho người và động vật vào thị trường Mỹ lại phải đăng ký lại Cơ sở sản xuất và Người đại diện tại Mỹ với Cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) để được cấp Mã số kinh doanh hợp lệ mới.

+ Tất cả sản phẩm khi nhập khẩu đều phải có giấy chứng nhận quốc tế ISO 9002 và HACCP.

+ Các quy định về SPS, an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm dịch động thực vật được ban hành, giám sát và thực thi bởi các cơ quan khác nhau. Cụ thể: (i) Cục quản lý Dược phẩm và Thực phẩm (FDA) chịu trách nhiệm cho hầu hết các

giám sát An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền của Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang Hoa Kỳ và pháp luật khác; FDA có trách nhiệm về bảo vệ người tiêu dùng chống lại sự không sạch sẽ, không an toàn, và gian lận khi gắn nhãn thực phẩm khác hơn là trong các lĩnh vực quy định của FSIS; (ii) Cơ quan Kiểm dịch và An toàn thực phẩm Hoa Kỳ (FSIS) có trách nhiệm đảm bảo rằng thịt, gia cầm và sản phẩm trứng được an toàn, lành mạnh, và nhãn chính xác; (iii) Bộ Nông nghiệp (USDA) có trách nhiệm kiểm tra sự an toàn của thịt và trứng, cũng như động vật và thực vật kiểm soát sâu bệnh, bao gồm cả kiểm tra kiểm dịch thực vật và động vật và dịch hại cây trồng; (iv) Cơ Quan Bảo Vệ Môi trường (EPA) có trách nhiệm quản lý thuốc trừ sâu, bao gồm đăng ký thuốc trừ sâu và sử dụng các thiết lập tương ứng với tiêu chuẩn. Các tổ chức này đóng một vai trò rất quan trọng về an toàn thực phẩm các loại khác nhau và trong các giai đoạn khác nhau.

+ Quy định về nhãn hàng hóa: việc ghi nhãn sản phẩm là một việc quan trọng và được quy định chặt chẽ bởi pháp luật. Một số sản phẩm có những quy định dán nhãn bắt buộc. Việc ghi sai hoặc thiếu nhãn sản phẩm theo quy định có thể bị từ chối nhập cảnh tại cảng, hoặc tệ hơn còn bị phạt vì vi phạm các quy định ghi nhãn của Hoa Kỳ. Việc quản lý và kiểm tra các quy định ghi nhãn do một số cơ quan chính phủ khác nhau ban hành và giám sát, bao gồm Ủy ban Thương mại công bằng (FTC – Federal Trade Commission), Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA), Ủy ban An toàn sản phẩm tiêu dùng (Consumer product Safety Commission CPSC), và nhiều cơ quan khác, tùy thuộc vào chủng loại hàng hóa.

+ Truy xuất nguồn gốc: Chương trình ghi nhãn nước xuất xứ (COOL) yêu cầu tên nước xuất xứ phải được ghi rõ trên nhãn của sản phẩm đối với một số mặt hàng nông sản.

#### **4.2. Trung Quốc**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu hạt điều của Trung Quốc năm 2020 là 167,1 triệu USD, chiếm 2,5% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào Trung Quốc năm 2020 là 147,8 triệu USD, chiếm 88,5% trong tổng trị giá nhập khẩu hạt điều của Trung Quốc.

- Những mặt hàng hạt điều Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Hạt điều, đã bóc vỏ (HS: 080132, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 42%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu: Tiêu chuẩn xuất khẩu hạt điều sang Trung Quốc là hạt điều phải được đóng gói thùng mới, sạch, khô không rò rỉ. Công tác đóng gói phải đảm bảo chắc chắn để hàng hóa được toàn vẹn, bên ngoài có thêm các lớp carton không có côn trùng và nấm mốc xuất hiện. Thùng carton phải đạt chuẩn chịu lực 200 pound, 32 ETC. Khí CO2 nếu có sử dụng phải là loại dùng trong an toàn thực phẩm.

#### **4.3. Nhật Bản**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu hạt điều của Nhật Bản năm 2020 đạt 90,3 triệu USD, chiếm 1,4% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu hạt điều của Việt Nam vào Nhật Bản năm 2020 là 42,5 triệu USD, chiếm 47,1% tổng trị giá nhập khẩu hàng hạt điều của Nhật Bản.

- Những mặt hàng hạt điều Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Hạt điều đã bóc vỏ (HS: 080132, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 81%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu:

+ Quy định chất lượng thương mại và ghi nhãn mác: Nhật Bản đòi hỏi sản phẩm nhập khẩu phải tuân thủ các quy định trong Luật vệ sinh Thực phẩm, Luật tiêu chuẩn Nông nghiệp của Nhật Bản và Luật đo lường.

+ Quy định về an toàn thực phẩm: tuân thủ các mức dư lượng này theo Luật Vệ sinh Thực phẩm.

+ Trước khi hàng đến, các nhà xuất khẩu phải thông báo cho các trạm kiểm dịch tại địa điểm nhập khẩu biết thông qua hệ thống điện tử do Bộ Y tế và Phúc lợi xã hội quản lý.

+ Chứng nhận Nông sản xuất khẩu: chứng nhận về môi trường, chứng nhận ISO 14001, chứng nhận về xã hội (FairTrade, SA 8000).

#### **4.4. Hàn Quốc**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu hạt điều của Hàn Quốc năm 2020 đạt 23,8 tỷ USD, chiếm 0,4% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu hạt điều của Việt Nam vào Hàn Quốc năm 2020 là 18,1 triệu USD, chiếm 76% tổng trị giá nhập khẩu hạt điều của Hàn Quốc.

- Những mặt hàng hạt điều Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Hạt điều đã bóc vỏ (HS: 080132, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 70%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu:

Với các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm, Hàn Quốc có luật vệ sinh an toàn thực phẩm. Hàn nhập khẩu phải đăng ký với Cơ quan quản lý thuốc và thực phẩm Hàn Quốc (KFDA). Cơ quan này có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm, các yêu cầu về nhãn mác, bao gói.

#### **4.5. EU**

- EU là thị trường nhập khẩu hạt điều hàng đầu thế giới, chiếm thị phần 21,4% trong tổng giá trị nhập khẩu toàn cầu trong giai đoạn 2015 - 2020. Tổng nhu cầu nhập khẩu hạt điều của EU năm 2020 đạt 1,41 tỷ USD.

- Việt Nam là nguồn cung hạt điều hàng đầu cho EU, giai đoạn 2015 – 2020, EU nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam tăng trưởng bình quân 12,08%/năm (tính theo lượng) và tăng 10,72% (tính theo trị giá), từ 63,8 nghìn tấn, trị giá 428,74 triệu Euro năm 2015 tăng lên 110,77 nghìn tấn, trị giá 684,6 triệu Euro năm 2020. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của EU tăng từ 42,41% trong năm 2015 lên 58,2% trong năm 2020.

Xuất khẩu hạt điều sang thị trường EU trong thời gian tới dự kiến sẽ tăng trở lại khi nhu cầu tiêu thụ tăng trưởng mạnh trong những tháng cuối năm và giá

điều cũng dự báo có xu hướng tăng. Việc khai thác cơ hội từ Hiệp định EVFTA sẽ giúp ngành hạt điều tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu và tăng quy mô xuất khẩu vào thị trường EU.

- Những mặt hàng hạt điều Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Hạt điều đã bóc vỏ (HS: 080132, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 44%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu:

- + Đối với sản phẩm hạt điều xuất khẩu, EU đưa những quy định về dán nhãn bao bì sản phẩm, cụ thể là yêu cầu đối với những lưu ý các chất có thể gây dị ứng, ngộ độc trong hạt điều.

- + Biện pháp kiểm dịch thực vật là những yêu cầu đối với sản phẩm nhằm bảo vệ sức khỏe con người, vật nuôi...từ những tác nhân gây hại có thể có trong sản phẩm. Ủy ban châu Âu EU có những quy định chặt chẽ về nồng độ chất độc hại, lưu lượng thuốc trừ sâu trong hạt điều (Giới hạn mức tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật – MRL).

- + EU đang áp dụng quy tắc xuất xứ thông qua Hàm lượng Giá trị trong khu vực (Regional Value content – RVC). Do đó, muốn xuất khẩu được hưởng lợi về thuế quan, sản phẩm hạt điều của Việt Nam phải chế biến từ nguồn điều nguyên liệu sản xuất trong nước hoặc từ quốc gia có FTA với EU.

#### **4.6. Liên Bang Nga**

- Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhập khẩu hạt điều của Nga giảm so với năm 2019, nhưng vẫn cao hơn so với các năm trước đó. Theo số liệu thống kê từ Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), nhập khẩu hạt điều của Nga trong năm 2020 đạt 10,7 nghìn tấn, trị giá 45,2 triệu USD, giảm 8% về lượng và giảm 34,4% về trị giá so với năm 2019.

- Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Liên Bang Nga đạt 37,65 triệu USD. Như vậy, thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Nga chiếm 83,3% trong tổng trị giá nhập khẩu của thị trường này.

- Những mặt hàng hạt điều Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Hạt điều đã bóc vỏ (HS: 080132, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 38%).

#### **4.7. Úc**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu hạt điều của Úc năm 2020 là 108,9 triệu USD, chiếm 1,6% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Úc đạt 105,6 triệu USD. Như vậy, thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Úc chiếm gần 97%.

- Những mặt hàng hạt điều Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Hạt điều đã bóc vỏ (HS: 080132, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 27%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu:

+ Tất cả thực phẩm nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn sinh học. Khi thực phẩm nhập khẩu đáp ứng được các yêu cầu này, thực phẩm được giám sát để đáp ứng được với Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm của Úc và New Zealand.

+ Các nhà nhập khẩu thực phẩm với mục đích thương mại cần phải được cấp phép trước khi nhập khẩu.

#### **4.8. Trung Đông**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu hạt điều của Trung Đông năm 2020 là 387 triệu USD, chiếm 5,8% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu hạt điều của Việt Nam vào Trung Đông năm 2020 là 197,4 triệu USD, chiếm 51% tổng trị giá nhập khẩu hạt điều của Hàn Quốc. Xuất khẩu hạt điều sang Các Tiểu Vương quốc Ả rập thống nhất (UAE) và Ả Rập Xê-út trong năm 2020 đạt xấp xỉ lần lượt là 23 triệu USD và 26,6 triệu USD. Đây là mặt hàng có tốc độ tăng trưởng tốt nhất trong số các sản phẩm Việt Nam xuất sang thị trường Tây Á này.

- Khu vực Trung Đông hiện là thị trường có nhu cầu lớn về nhập khẩu nông sản, thực phẩm. Do thời tiết khắc nghiệt, điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng không thuận lợi để phát triển nông nghiệp nên hầu hết các quốc gia khu vực Trung Đông hiện chưa đáp ứng được nhu cầu lương thực của người dân trong nước. Vì vậy, các quốc gia này phải nhập khẩu khoảng 80% các mặt hàng lương thực, thực phẩm, tương đương khoảng 40 tỷ USD/năm. Như vậy, đây là một thị trường xuất khẩu tiềm năng cho mặt hàng điều của Việt Nam.

- Những mặt hàng Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Hạt điều đã bóc vỏ (HS: 080132, dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 59%).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu: Một trong những đặc điểm cần đặc biệt lưu tâm là sản phẩm xuất khẩu sang thị trường này cần phải đáp ứng được tiêu chuẩn Halal. Nếu bước qua được rào cản đầu tiên về Halal này thì các doanh nghiệp Việt Nam sẽ thâm nhập được vào thị trường các nước Hồi giáo ở Trung Đông.

### **5. Hồ tiêu**

#### **5.1. Hoa Kỳ**

- Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu hồ tiêu lớn nhất thế giới, kim ngạch nhập khẩu năm 2020 là 258,4 triệu USD, chiếm 17,9% tổng giá trị nhập khẩu toàn cầu, riêng trong tháng 5/2021 chiếm gần 30% tổng kim ngạch hồ tiêu nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam vào Hoa Kỳ năm 2020 là 169,3 triệu USD, chiếm 63,4% tổng kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ, đứng sau là Brazil, Indonesia và Ấn Độ, chiếm lần lượt là 13,1%, 7% và 7,8%. Về lý thuyết, dung lượng thị trường Việt Nam còn khai thác được là khoảng 46% kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ đối với mặt hàng này trong tương lai.

- Những mặt hàng hồ tiêu Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Hồ tiêu chưa xay hoặc chưa nghiền (HS 090411) và Hồ tiêu đã xay hoặc đã nghiền (HS 090412).

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu:

+ Đăng ký chứng nhận FDA: bất cứ nhà xuất khẩu nào nếu muốn đưa sản phẩm (thực phẩm, đồ uống, dược phẩm) của mình vào Hoa Kỳ đều phải tuân thủ những quy định của Cục FDA và có được giấy chứng nhận FDA. Doanh nghiệp phải đăng ký với FDA để được cấp mã số cơ sở thực phẩm FFR. Ngoài ra, cứ hai năm một lần, nghĩa là vào các năm chẵn các doanh nghiệp nước ngoài trong đó có các doanh nghiệp Việt Nam đang xuất hàng thực phẩm và đồ uống cho người và động vật vào thị trường Mỹ lại phải đăng ký lại Cơ sở sản xuất và Người đại diện tại Mỹ với Cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) để được cấp Mã số kinh doanh hợp lệ mới.

+ Tất cả sản phẩm khi nhập khẩu đều phải có giấy chứng nhận quốc tế ISO 9002 và HACCP.

+ Các quy định về SPS, an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm dịch động thực vật được ban hành, giám sát và thực thi bởi các cơ quan khác nhau. Cụ thể: (i) Cục quản lý Dược phẩm và Thực phẩm (FDA) chịu trách nhiệm cho hầu hết các giám sát An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền của Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang Hoa Kỳ và pháp luật khác; FDA có trách nhiệm về bảo vệ người tiêu dùng chống lại sự không sạch sẽ, không an toàn, và gian lận khi gắn nhãn thực phẩm khác hơn là trong các lĩnh vực quy định của FSIS; (ii) Cơ quan Kiểm dịch và An toàn thực phẩm Hoa Kỳ (FSIS) có trách nhiệm đảm bảo rằng thịt, gia cầm và sản phẩm trứng được an toàn, lành mạnh, và nhãn chính xác; (iii) Bộ Nông nghiệp (USDA) có trách nhiệm kiểm tra sự an toàn của thịt và trứng, cũng như động vật và thực vật kiểm soát sâu bệnh, bao gồm cả kiểm tra kiểm dịch thực vật và động vật và dịch hại cây trồng; (iv) Cơ Quan Bảo Vệ Môi trường (EPA) có trách nhiệm quản lý thuốc trừ sâu, bao gồm đăng ký thuốc trừ sâu và sử dụng các thiết lập tương ứng với tiêu chuẩn. Các tổ chức này đóng một vai trò rất quan trọng về an toàn thực phẩm các loại khác nhau và trong các giai đoạn khác nhau.

+ Quy định về nhãn hàng hóa: việc ghi nhãn sản phẩm là một việc quan trọng và được quy định chặt chẽ bởi pháp luật. Một số sản phẩm có những quy định dán nhãn bắt buộc. Việc ghi sai hoặc thiếu nhãn sản phẩm theo quy định có thể bị từ chối nhập cảnh tại cảng, hoặc tệ hơn còn bị phạt vì vi phạm các quy định ghi nhãn của Hoa Kỳ. Việc quản lý và kiểm tra các quy định ghi nhãn do một số cơ quan chính phủ khác nhau ban hành và giám sát, bao gồm Ủy ban Thương mại công bằng (FTC – Federal Trade Commission), Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA), Ủy ban An toàn sản phẩm tiêu dùng (Consumer product Safety Commission CPSC), và nhiều cơ quan khác, tùy thuộc vào chủng loại hàng hóa.

+ Truy xuất nguồn gốc: Chương trình ghi nhãn nước xuất xứ (COOL) yêu cầu tên nước xuất xứ phải được ghi rõ trên nhãn của sản phẩm đối với một số mặt hàng nông sản.

## 5.2. EU

- Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam vào EU năm 2020 là 114,3 triệu USD, chiếm 32,5% tổng kim ngạch nhập khẩu của EU. Tổng nhu cầu nhập khẩu của EU năm 2020 là 351,4 triệu USD, giảm 6% về giá trị so với năm 2019,

chiếm 24,4% giá trị nhập khẩu toàn cầu. Tuy nhiên, thị trường hồ tiêu châu Âu dự báo sẽ tăng trưởng về khối lượng với tốc độ CAGR là 3,9% giai đoạn 2016 – 2023. Xu hướng tiêu dùng gia vị tăng cường miễn dịch tăng mạnh: thị trường tiêu thụ đối với hầu hết các loại gia vị tăng trưởng với tốc độ xấp xỉ 4%/năm. Đặc biệt, do đại dịch Covid-19, một số loại gia vị trong đó hồ tiêu được cho rằng có thể hỗ trợ miễn dịch nên có sức tiêu thụ tăng trưởng nhanh trong năm 2020.

- Những mặt hàng hồ tiêu Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Hồ tiêu chưa xay hoặc chưa nghiền (HS 090411) với dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 66%.

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu:

- + Doanh nghiệp cần tuân thủ quy định tại Tài liệu Quality Minima của Hiệp hội Gia vị Châu Âu (ESA).

- + Phần lớn khách hàng châu Âu sẽ yêu cầu chứng nhận Sáng kiến An toàn Thực phẩm Toàn cầu (GFSI); trong đó phổ biến nhất là:

- Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS)

- Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm của Hiệp hội bán lẻ Anh quốc (BRCGS)

- Chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm (FSSC 22000)

Tuy nhiên, yêu cầu về giấy chứng nhận lại khác nhau giữa các nhà nhập khẩu EU. Ví dụ, khách hàng ở Anh thường yêu cầu BRCGS, trong khi IFS phổ biến hơn đối với các nhà bán lẻ Đức. Bên cạnh chứng nhận an toàn thực phẩm, khách hàng châu Âu còn có thể đến trực tiếp kiểm tra cơ sở sản xuất của doanh nghiệp XK trong vòng một hoặc vài năm.

- + Ngoài ra, một số khách hàng EU có thể yêu cầu 1 số giấy chứng nhận khác như:

- Chứng nhận sản phẩm bền vững: Organic, Fairtrade và Rainforest Alliance;

- Tự xác minh: Doanh nghiệp tự đánh giá sự tuân thủ đối với quy tắc bền vững của người mua. Ví dụ như: Bộ luật Nông nghiệp Bền vững (SAC) của Unilever hoặc Điều lệ Sinh kế Olam Livelihood Charter.

### **5.3. Trung Quốc**

- Trung Quốc là một trong 10 thị trường nhập khẩu hồ tiêu lớn nhất thế giới. Tổng nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc đối với mặt hàng này năm 2020 là hơn 258 nghìn tấn, trị giá 65,3 triệu USD, giảm 3% về lượng so với năm 2019, nhưng lại tăng 53% về giá trị, chiếm 4,5% giá trị nhập khẩu toàn cầu. Năm 2020, thị phần hồ tiêu của Việt Nam chiếm 27% trong tổng giá trị nhập khẩu của Trung Quốc, cao hơn so với 6,95% trong năm 2019. Mặc dù tốc độ nhập khẩu hồ tiêu của Trung Quốc từ Việt Nam tăng cao hơn so với tốc độ nhập khẩu chung, tuy nhiên, ngành hồ tiêu Việt Nam chưa khai thác tốt thị trường xuất khẩu Trung Quốc do phía Trung Quốc có nhu cầu nhập khẩu lớn đối với chủng loại hồ tiêu trắng, trong khi Việt Nam chủ yếu sản xuất hồ tiêu đen.

- Những mặt hàng Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Hồ tiêu chưa xay hoặc chưa nghiền (HS 090411- dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 85%) và Hồ tiêu: đã xay hoặc đã nghiền (HS 090412 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 54%).

- Dự báo xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Trung Quốc sẽ tăng chậm lại trong ngắn hạn. Trung Quốc vẫn nhập khẩu cầm chừng sau khi giá hồ tiêu tăng “nóng” thời điểm tháng 3/2021. Về dài hạn, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu hồ tiêu tiềm năng lớn mà doanh nghiệp Việt Nam cần khai thác. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, hoạt động thông quan hàng hóa chậm, thì các nước có chung đường biên giới, đất liền càng phát huy lợi thế.

#### **5.4. Trung Đông**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu của Trung Đông đối với mặt hàng hồ tiêu năm 2020 là 138,3 triệu USD, chiếm 9,6% giá trị nhập khẩu toàn cầu. Mặt hàng hồ tiêu xuất khẩu của Việt Nam đã có mặt tại hầu hết các thị trường trong khu vực Trung Đông với tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 76,3 triệu USD, chiếm 55,2% tổng kim ngạch nhập khẩu của khu vực này. Trong đó, Các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất (UAE) là thị trường nhập khẩu nhiều nhất (nhập khẩu 30,4 triệu USD năm 2020), tiếp theo là Ả-rập Xê-út (nhập khẩu 5,7 triệu USD năm 2020).

- Những mặt hàng Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Hồ tiêu chưa xay hoặc chưa nghiền (HS 090411) với dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 25%.

- Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu: Khu vực thị trường này không có nhiều rào cản kỹ thuật và thuế quan nhưng yêu cầu sản phẩm phải có chứng nhận Halal. Vì thế, muốn xuất khẩu vào UAE, Kuwait hay thị trường Trung Đông, các doanh nghiệp cần chú ý yêu cầu về chứng nhận tiêu chuẩn Halal. Từ năm 2017, tất cả sản phẩm Halal xuất khẩu sang các nước GCC (UAE, Kuwait, Oman, Qatar, Saudi Arabia, Bahrain) phải được chứng nhận từ các tổ chức được công nhận bởi GAC/ESMA (Cơ quan Tiêu chuẩn đo lường và Đo lường của UAE). Nếu có chứng nhận này, sản phẩm Việt Nam sẽ tăng cơ hội cạnh tranh với sản phẩm khác, tăng đối tượng sử dụng, tham gia vào chuỗi cung ứng nguyên liệu và sản phẩm Halal trên thế giới.

#### **5.5. Ấn Độ**

- Tổng nhu cầu nhập khẩu hồ tiêu của Ấn Độ năm 2020 là hơn 27 nghìn tấn, trị giá 86,3 triệu USD, giảm 7% về lượng và giảm 8% giá trị so với năm 2019, chiếm 6% giá trị nhập khẩu toàn cầu.

- Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam vào Ấn Độ năm 2020 là 28,3 triệu USD, chiếm 32,8% tổng kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu của Ấn Độ.

- Những mặt hàng hồ tiêu Việt Nam có khả năng xuất khẩu gồm: Hồ tiêu: chưa xay hoặc chưa nghiền (HS 090411- dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 59%) và Hồ tiêu: đã xay hoặc đã nghiền (HS 090412 - dung lượng thị trường còn khả năng khai thác là 85%).